

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
1	1001030460	Lý Quốc	An	27/07/2004	QT10A	x	x	x	x	
2	1001060346	Nguyễn Thành	An	14/11/2004	KA10A	x	x	x	x	
3	1101031146	Trịnh Hương	An	08/04/2005	QT11A	x	x	x	x	
4	1001040001	Vũ Đức	An	31/03/2004	CT10A	x	x	x	x	
5	1001030463	Chu Thị Hải	Anh	10/07/2004	QT10A	x	x	x	x	
6	1101081436	Chu Thị Phương	Anh	18/06/2005	TM11A	x	x	x	x	
7	0901010500	Đặng Hoàng Quý	Anh	27/10/2003	NH9A	x			x	
8	1101021258	Đặng Trần Tuấn	Anh	20/01/2005	KD11C	x	x	x	x	
9	1101020913	Đỗ Vũ Quỳnh	Anh	23/11/2005	KD11A	x	x	x	x	
10	1101021260	Dương Phương	Anh	10/12/2005	KD11B	x	x	x	x	
11	0901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM11A	x	x	x	x	
12	1101020013	Hoàng Thị Lan	Anh	24/09/2005	KD11C	x	x	x	x	
13	1101060914	Hoàng Thị Minh	Anh	04/04/2005	KA11A	x	x	x	x	
14	1101031429	Lê Hải	Anh	17/08/2005	QT11A	x	x	x	x	
15	1101030469	Lê Quang	Anh	23/10/2005	QT11A	x	x	x	x	
16	1001021472	Lục Thảo	Anh	29/02/2004	KD10A	x	x	x	x	
17	1101010765	Lương Ngọc	Anh	28/05/2005	TC11A	x	x	x	x	
18	1001021417	Lưu Thị Quỳnh	Anh	17/08/2004	KD10G	x	x	x	x	
19	1001011441	Nguyễn Đào Vi	Anh	22/09/2001	TC10B			x	x	
20	1001030473	Nguyễn Đức	Anh	19/05/2004	QT10A			x	x	
21	1101071115	Nguyễn Gia Tuấn	Anh	13/12/2005	QL11A	x	x	x	x	
22	1001030475	Nguyễn Hải	Anh	08/07/2004	QM10B			x	x	
23	1001060348	Nguyễn Hoàng	Anh	26/09/2004	KA10A			x	x	
24	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	x	x	x	x	
25	1101020017	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	18/08/2005	KD11G	x	x	x	x	
26	1001020931	Nguyễn Minh	Anh	09/07/2004	KD10A		x	x	x	
27	1001010750	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	TC10B	x	x	x	x	
28	1101021343	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/09/2005	KD11B	x	x	x	x	
29	1001030481	Nguyễn Thành Nam	Anh	31/12/2004	QM10A	x	x	x	x	
30	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	x	x	x	x	
31	0901020733	Nguyễn Thị Kiều	Anh	22/11/2003	KD9E	x	x	x	x	
32	0901020573	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/02/2003	KD9G	x	x	x		
33	1001060349	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/11/2004	KA10A		x		x	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
34	1001020044	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/01/2003	KD10A	x	x	x	x	
35	1101060336	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/10/2005	KA11A	x	x	x	x	
36	1001020045	Nguyễn Thị Phương	Anh	06/08/2004	KD10B	x	x	x	x	
37	1001020048	Nguyễn Thị Vân	Anh	26/01/2004	KD10G	x	x	x		
38	0901030282	Nguyễn Thị Vân	Anh	13/10/2003	QM9A	x	x	x	x	
39	1101081095	Nguyễn Trung	Anh	27/11/2005	TM11A	x	x	x	x	
40	1001010753	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2004	TC10A				x	
41	1001020050	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2004	KD10D		x		x	
42	1001020485	Nông Thị Thục	Anh	23/08/2004	KD10G	x	x	x	x	
43	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	x	x	x	x	
44	1101020027	Phạm Lan	Anh	16/04/2005	KD11B	x	x	x	x	
45	1001010754	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	TC10B	x	x	x	x	
46	1101030483	Phạm Thị Nguyệt	Anh	13/02/2005	QT11A	x	x	x	x	
47	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	x	x	x	x	
48	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	x	x	x	x	
49	0901030195	Võ Ngọc	Anh	22/10/2003	QT9B	x	x	x	x	
50	1101030491	Vũ Duy	Anh	07/02/2003	QT11B	x	x	x	x	
51	1001030488	Vũ Hồng	Anh	12/11/2004	QM10A	x	x	x	x	
52	1001030489	Vũ Quỳnh	Anh	28/11/2004	QM10B	x	x	x	x	
53	1001030494	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	01/02/2004	QT10A	x	x	x	x	
54	0901020186	Ngô Thị Ngọc	Ánh	07/04/2003	KD10E	x		x	x	
55	1101030495	Ngô Thị Nguyệt	Ánh	05/11/2005	QT11A	x	x	x	x	
56	1001020060	Nguyễn Thị	Ánh	23/11/2004	KD10E	x	x	x	x	
57	1001031198	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	14/04/2004	QT10A	x	x	x	x	
58	1001020061	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	24/07/2004	KD10H	x	x	x	x	
59	1101020927	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/04/2005	KD11C	x	x	x	x	
60	1101081405	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/02/2004	TM11A	x	x	x	x	
61	1101020041	Phạm Ngọc	Ánh	30/08/2005	KD11C	x	x	x	x	
62	1001020063	Phạm Thị Ngọc	Ánh	21/07/2004	KD10B	x	x	x	x	
63	1001020065	Trần Ngọc	Ánh	17/09/2004	KD10G		x	x	x	
64	1101030500	Nguyễn Đức Tùng	Bách	02/12/2005	QT11A	x	x	x	x	
65	1001081106	Đặng Đình Gia	Bảo	10/06/2004	TM10A	x	x	x	x	
66	1101030502	Phạm Ngọc	Biên	30/03/2005	QT11B	x	x	x	x	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
67	1204020001	Nguyễn Thị	Biển	16/08/1987	LT12A	x	x	x	x	
68	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	x	x	x	x	
69	1001031623	Nguyễn Văn	Bình	12/08/2004	QM10A	x	x	x	x	
70	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	x	x	x	x	
71	1001060351	Vũ Hà Thanh	Bình	10/11/2004	KA10A		x	x	x	
72	1101080387	Nguyễn Tiến	Bộ	20/05/2005	TM11A	x	x	x	x	
73	0610110488	Trần Trọng	Cảnh	21-06-2000	TC6A	x	x	x	x	
74	1101020932	Đinh Thị	Châm	25/11/2005	KD11G	x	x	x	x	
75	1204020002	Nguyễn Bá	Chất	16/01/1985	LT12A	x	x	x	x	
76	1101060337	Hoàng Minh	Châu	27/10/2005	KA11A	x	x	x	x	
77	1001080387	Nguyễn Hà	Châu	19/12/2004	TM10A	x	x	x	x	
78	1001020896	Trương Minh	Châu	20/08/2004	KD10H	x	x	x	x	
79	1001020073	Hà Linh	Chi	17/12/2004	KD10A	x		x	x	
80	1001021422	Nghiêm Quỳnh	Chi	29/02/2004	KD10H	x	x	x	x	
81	1001020499	Nguyễn Thị Bảo	Chi	08/09/2004	KD10D		x	x	x	
82	1001020074	Nguyễn Thị Khánh	Chi	19/11/2004	KD10G	x	x	x	x	
83	1001020947	Nguyễn Thị Lê	Chi	05/07/2004	KD10G	x	x	x	x	
84	1001020075	Nguyễn Thị Mai	Chi	24/09/2004	KD10C	x	x	x	x	
85	1001031204	Nguyễn Thị Minh	Chi	08/03/2004	QT10A	x	x	x	x	
86	0901070485	Phạm Khánh	Chi	13/10/2003	QL9A	x	x	x	x	
87	0901020657	Phạm Linh	Chi	27/12/2003	KD10D	x		x	x	
88	1101060048	Phạm Phương	Chi	09/11/2005	KA11A	x	x	x	x	
89	1001011760	Phan Hạnh	Chi	13/09/2003	TC10A	x	x	x	x	
90	1001030501	Vi Ngọc Hương	Chi	06/01/2004	QT10A	x	x	x	x	
91	0710310203	Vũ Đức	Chính	22/11/2001	QT7B	x	x	x	x	
92	1001030949	Hoàng Thanh	Chúc	21/12/2004	QT10A	x	x	x	x	
93	1001011387	Nguyễn Thị	Chuyên	09/03/2004	TC10A		x		x	
94	1001030505	Phan Thành	Công	02/01/2004	QT10B		x	x	x	
95	1207020020	Lê Thành	Cương	24/08/1986	LT12A	x	x	x	x	
96	1001010757	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	TC10B	x	x	x	x	
97	1203020003	Hoàng Văn	Cường	17/02/1994	LT12A	x	x	x	x	
98	0901080375	Phạm Tiến	Cường	16/03/2003	TM9A	x	x	x	x	
99	1204020004	Trần Trọng	Đài	09/01/2003	LT12A	x	x	x	x	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
100	1101060338	Phạm Ngọc	Đại	09/03/2005	KA11A	x	x	x	x	
101	1001020080	Hoàng Anh	Đào	24/10/2002	KD10C	x	x	x	x	
102	1101020054	Nguyễn Thị Anh	Đào	02/01/2005	KD11C	x	x	x	x	
103	1101060339	Nguyễn Thị Hồng	Đào	20/11/2005	KA11A	x	x	x	x	
104	1001030510	Đỗ Tiến	Đạt	30/06/2004	QM10A	x	x	x	x	
105	1101031165	Lê Thành	Đạt	26/02/2004	QT11B	x	x	x	x	
106	1101020511	Lộc Thành	Đạt	13/09/2005	KD11D	x	x	x	x	
107	1001010762	Nguyễn Tiến	Đạt	26/05/2004	TC10A	x	x	x	x	
108	1101030340	Vũ Tiến	Đạt	20/10/2005	QM11A	x	x	x	x	
109	1001020950	Đặng Ngọc	Diễm	21/12/2004	KD10G	x	x		x	
110	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	x	x	x	x	
111	1001030515	Mai Hồ Ngọc	Diệp	24/11/2004	QT10A		x	x	x	
112	1001030517	Nguyễn Hoàng	Diệu	27/01/2004	QT10B	x	x	x	x	
113	1001010081	Phạm Thị	Dịu	06/02/2004	NH10A	x	x	x	x	
114	1001020082	Vũ Thị	Dịu	10/07/2004	KD10H	x	x	x	x	
115	1101020062	Đỗ Thị Hồng	Doan	08/12/2005	KD11G	x	x	x	x	
116	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	x	x	x	x	
117	1101031168	Nguyễn Thắng	Đồng	23/08/2005	QT11A	x	x	x	x	
118	1101011733	Khương Minh	Đức	11/09/2004	TC11A	x	x	x	x	
119	0810120557	Vũ Khánh	Đức	05/11/2002	NH8A	x	x	x	x	
120	1001010767	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	TC10A	x	x	x	x	
121	1101020066	Nguyễn Thanh	Dung	31/12/2005	KD11C	x	x	x	x	
122	1001020087	Nguyễn Thị Thanh	Dung	17/03/2004	KD10C	x	x	x	x	
123	1101030519	Nguyễn Anh	Dũng	20/12/2005	QT11A	x	x	x	x	
124	1101061075	Phùng Xuân Tấn	Dũng	15/02/2005	KA11A	x	x	x	x	
125	1001020092	Đào Thị Thùy	Dương	05/11/2004	KD10A		x	x	x	
126	1001030528	Đào Thùy	Dương	21/11/2004	QM10A	x	x	x	x	
127	1001040910	Hoàng Vũ	Dương	09/08/2004	CT10A	x	x	x	x	
128	1101021076	Lê Thùy	Dương	16/10/2005	KD11E	x	x	x	x	
129	1101020070	Ninh Thị Thùy	Dương	25/05/2005	KD11B	x	x	x	x	
130	1101020071	Phạm Thị Thùy	Dương	05/12/2005	KD11B	x	x	x	x	
131	1101010801	Vũ Thùy	Dương	26/08/2005	TC11A	x	x	x	x	
132	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	x	x	x	x	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
133	1101030526	Nguyễn Đức	Duy	09/07/2005	QT11B	x	x	x	x	
134	1101061077	Trần Khánh	Duy	10/07/2005	KA11A	x	x	x	x	
135	1101030529	Trần Văn	Duy	23/10/2003	QT11B	x	x	x	x	
136	1101030530	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	24/03/2005	QT11A	x	x	x	x	
137	1101070433	Lý Thị Mai	Duyên	03/09/2005	TM11A	x	x	x	x	
138	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	x	x	x	x	
139	1001021408	Cao Thị	Giang	19/10/2004	KD10B		x		x	
140	1101020075	Đào Thị Hương	Giang	21/07/2005	KD11C	x	x	x	x	
141	1001040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	x	x	x	x	
142	1101031412	Nguyễn Nam	Giang	04/03/2005	QT11A	x	x	x	x	
143	1001020960	Phạm Hương	Giang	20/05/2004	KD10G		x		x	
144	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	x	x	x	x	
145	1001031217	Vương Thùy	Giang	11/09/2004	QM10A	x	x	x	x	
146	1001020102	Đặng Thị Thu	Hà	28/09/2004	KD10A	x		x	x	
147	1101010808	Lê Ngân	Hà	22/11/2005	TC11A	x	x	x	x	
148	1101020393	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11A	x	x	x	x	
149	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	x	x	x	x	
150	1101021339	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11D	x	x	x	x	
151	1001080388	Nguyễn Thị	Hà	04/08/2004	TM10A	x	x	x	x	
152	1101020083	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/2005	KD11G	x	x	x	x	
153	1101020809	Nguyễn Thu	Hà	14/01/2005	KD11D	x	x	x	x	
154	0901020116	Nguyễn Thu	Hà	24/05/2003	KD9C	x	x	x	x	
155	1001031468	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2003	QT10A				x	
156	1001060355	Nguyễn Việt	Hà	12/07/2004	KA10A		x	x	x	
157	0901020902	Phạm Ngọc	Hà	09/10/2003	KD9D	x	x	x	x	
158	1101080394	Trần Thị Việt	Hà	22/08/2005	TM11A	x	x	x	x	
159	1101030538	Đặng Hoàng	Hải	09/05/2005	QT11A	x	x	x	x	
160	1001020111	Nguyễn Đức	Hải	23/09/2004	KD10A	x	x	x	x	
161	1101030539	Nguyễn Duy	Hải	02/09/2005	QT11B	x	x	x	x	
162	1001010780	Nguyễn Minh	Hải	26/04/2004	TC10B	x	x	x	x	
163	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	x	x	x	x	
164	1101010811	Đỗ Thị Thúy	Hằng	12/01/2005	TC11A	x	x	x	x	
165	1101031359	Lê Thị Diễm	Hằng	17/11/2005	QT11A	x	x	x	x	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
166	1101080396	Nguyễn Minh	Hằng	02/07/2005	TM11A	x	x	x	x	
167	1101010812	Nguyễn Thu	Hằng	10/10/2005	TC11A	x	x	x	x	
168	1101020093	Phạm Thu	Hằng	23/09/2005	KD11D	x	x	x	x	
169	1001020116	Lê Thị	Hạnh	29/09/2004	KD10E	x	x	x	x	
170	1205020005	Luyện Thị Hồng	Hạnh	19/07/2000	LT12A H	x	x	x	x	
171	1001010437	Vũ Hồng	Hạnh	29/05/2004	TC10A		x		x	
172	1101030543	Nguyễn Thị	Hảo	24/03/2005	QT11A	x	x	x	x	
173	1001011348	Lộc Tuyết	Hậu	27/08/2004	TC10B				x	
174	1001020119	Nguyễn Thị	Hậu	12/12/2004	KD10H	x	x	x	x	
175	1101020096	Đinh Thúy	Hiền	21/05/2005	KD11D	x	x	x	x	
176	1001020120	Dương Thị	Hiền	20/07/2004	KD10B	x	x	x	x	
177	1101030544	Lê Thị Thu	Hiền	08/07/2005	QM11A	x	x	x	x	
178	1001081112	Lương Thảo	Hiền	25/04/2004	TM10A	x	x	x	x	
179	1103020004	Nguyễn Thị Thu	Hiền	28/07/1974	LT11A V	x	x	x	x	
180	1001030552	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/05/2004	QT10B	x	x	x	x	
181	1101060345	Vũ Thị Thu	Hiền	06/06/2005	KA11A	x	x	x	x	
182	1001020123	Nguyễn Minh	Hiền	27/11/2004	KD10C	x	x	x	x	
183	1001031635	Nguyễn Thế	Hiệp	24/04/2001	QM10B		x		x	
184	1101040373	Dương Đức	Hiếu	16/02/2005	CT11A	x	x	x	x	
185	1001031636	Hà Trung	Hiếu	28/11/2004	QM10A	x	x	x	x	
186	1001010783	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	TC10A	x	x	x	x	
187	1101030550	Trần Minh	Hiếu	17/09/2005	QM11A	x	x	x	x	
188	1204020006	Chu Thị	Hoa	19/11/2005	LT12A T	x	x	x	x	
189	0901010544	Đặng Quỳnh	Hoa	08/10/2003	TC9A	x	x	x	x	
190	1204020007	Kiều Thị	Hoa	20/08/1991	LT12A	x	x	x	x	
191	1001020127	Nguyễn Phương	Hoa	22/10/2004	KD10D	x	x	x	x	
192	1101030551	Nguyễn Phương	Hoa	24/04/2005	QM11A	x	x	x	x	
193	1101020962	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/04/2005	KD11D	x	x	x	x	
194	1101020100	Nguyễn Thị	Hoa	22/09/2005	KD11B	x	x	x	x	
195	1001020972	Trương Thị Hồng	Hoa	01/11/2004	KD10E	x		x	x	
196	1101020963	Vũ Thanh	Hoa	21/11/2005	KD11A	x	x	x	x	
197	1001030560	Đặng Quang	Hoá	06/02/2004	QT10B	x		x	x	
198	1001030562	Lê Phương	Hòa	29/07/2004	QM10A	x	x	x	x	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
199	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	x	x	x	x	
200	1001021529	Trần Thị Thu	Hòa	13/09/2004	KD10G	x	x	x	x	
201	1001031637	Lê Thu	Hoài	30/12/2004	CT10A	x	x	x	x	
202	1001020133	Đường Huy	Hoàng	10/01/2004	KD10C	x	x	x	x	
203	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	x	x	x	x	
204	1101060347	Nguyễn Hữu	Hoàng	21/06/2005	KA11A	x	x	x	x	
205	1001030564	Nguyễn Huy	Hoàng	12/10/2004	QM10B	x	x	x	x	
206	1001080393	Bùi Minh	Hồng	05/10/2004	TM10A	x	x	x	x	
207	1101030554	Hồ Thị	Hồng	07/07/2005	QM11A	x	x	x	x	
208	1101030437	Lê Kim	Huệ	06/09/2005	QT11A	x	x	x	x	
209	1101030559	Phạm Thị	Huệ	12/10/2005	QT11A	x	x	x	x	
210	1001040011	Phạm Thị Kim	Huệ	19/05/2004	CT10A	x	x	x	x	
211	0810310879	Trần Thu	Huệ	25/09/2002	QT8A	x	x	x	x	
212	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	x	x	x	x	
213	1101030561	Phùng Tuấn	Hùng	13/09/2005	QT11A	x	x	x	x	
214	1101020968	Đỗ Thị Lan	Hương	12/03/2005	KD11B	x	x	x	x	
215	1101031731	Đỗ Thu	Hương	07/08/2005	QT11A	x	x	x	x	
216	1207020021	Hà Thị Mai	Hương	23/11/1980	LT12A V	x	x	x	x	
217	0901010434	Hoàng Thị Quỳnh	Hương	08/02/2003	TC9A	x	x	x	x	
218	1101031196	Khổng Thị Lan	Hương	09/04/2005	QT11A	x	x	x	x	
219	1101030564	Lê Mai	Hương	11/08/2005	QT11B	x	x	x	x	
220	1001021403	Ngô Thị	Hương	24/05/2004	KD10B		x	x	x	
221	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	x	x	x	x	
222	1001021419	Nguyễn Thị Diệu	Hương	29/07/2004	KD10D	x	x	x	x	
223	1101020112	Nguyễn Thị Thanh	Hương	21/09/2005	KD11C	x	x	x	x	
224	1103020006	Nguyễn Thị Thu	Hương	20/03/1985	LT11A T	x	x	x	x	
225	0901020879	Nguyễn Thu	Hương	27/03/2003	KD9G	x	x	x	x	
226	1101010828	Phùng Thị Thu	Hương	13/12/2005	TC11A	x	x	x	x	
227	1001060362	Trịnh Thiên	Hương	01/09/2004	KA11A	x	x	x	x	
228	1205020008	Vũ Thị Thu	Hương	02/03/1997	LT12A H	x	x	x	x	
229	0901030093	Nguyễn Thị	Hường	30/01/2003	QT9B		x	x	x	
230	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	KD11E	x	x	x	x	
231	1001020145	Cao Đức	Huy	28/08/2004	KD10C	x	x	x	x	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
232	1001080572	Nguyễn Hoàng	Huy	30/09/2004	TM10A	x	x	x	x	
233	1001070441	Nguyễn Quốc	Huy	22/08/1997	QL10A	x	x	x	x	
234	1101020568	Trần Quang	Huy	13/04/2005	KD11G	x	x	x	x	
235	0901030061	Vũ Quang	Huy	21/12/2003	QT9B	x		x		
236	1001030577	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/03/2004	QT10A	x	x	x	x	
237	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	x	x	x	x	
238	1101031198	Đỗ Chu Khánh	Huyền	15/01/2005	QT11A	x	x	x	x	
239	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	x	x	x	x	
240	1001030579	Đỗ Thanh	Huyền	31/03/2004	QT10A	x	x	x	x	
241	0901060692	Đỗ Thị Thu	Huyền	14/10/2003	KD9G	x	x	x	x	
242	1101081104	Hoàng Thị	Huyền	22/07/2005	TM11A	x	x	x	x	
243	1101030441	Lưu Thị Thu	Huyền	26/11/2005	QT11B	x	x	x	x	
244	1001030582	Nguyễn Khánh	Huyền	26/10/2004	QM10B		x	x	x	
245	1101020121	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/04/2005	KD11D	x	x	x	x	
246	1101080572	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	TM11A	x	x	x	x	
247	1101030399	Nguyễn Thị	Huyền	28/06/2005	QT11A	x	x	x	x	
248	1101010834	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	29/08/2005	TC11A	x	x	x	x	
249	1101021281	Nguyễn Thị Minh	Huyền	21/05/2005	KD11B	x	x	x	x	
250	1101010835	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	14/01/2005	TC11A	x	x	x	x	
251	1001030584	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24/09/2004	QT10B		x	x		
252	1001030586	Phạm Ngọc	Huyền	23/01/2004	CT10A	x	x	x	x	
253	1001060366	Trần Khánh	Huyền	23/11/2004	KA10A			x	x	
254	0901030082	Nguyễn Văn	Khải	20/10/2003	QT9C		x		x	
255	0901010293	Ma Tuấn	Khanh	20/06/2003	KD9G	x	x	x	x	
256	1101020130	Phạm Thị	Khánh	01/11/2005	KD11G	x	x	x	x	
257	0901010261	Nguyễn Năng	Khoa	16/03/2003	NH9A	x	x	x	x	
258	1001011693	Hoàng Văn	Khỏe	02/04/1996	NH10A	x	x	x	x	
259	1101041090	Đào Chí	Kiên	22/10/2004	CT11A	x	x	x	x	
260	1101071353	Đỗ Ngọc	Kiên	12/05/2005	QL11A	x	x	x	x	
261	1001010799	Phạm Duy	Kiên	14/12/2003	NH10A	x	x	x	x	
262	0901030370	Đặng Tuấn	Kiệt	09/12/2003	QT9B	x	x	x	x	
263	0901030265	Trịnh Xuân	Kỳ	05/11/2002	QM9B		x			
264	1001011359	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	TC10B		x		x	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
265	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	x	x	x	x	
266	1001020157	Trần Thanh	Lâm	05/05/2004	KD10G	x	x	x	x	
267	1001021360	Bùi Thị Thu	Lan	09/07/2004	KD10A	x	x	x	x	
268	1001010803	Cao Ngọc	Lan	19/08/2004	TC10A		x	x		
269	1001020159	Đào Hoàng	Lan	15/11/2004	KD10B	x	x	x	x	
270	1101060350	Đỗ Thị	Lan	06/09/2005	KA11A	x	x	x	x	
271	1101030585	Lê Mai	Lan	20/09/2005	QM11A	x	x	x	x	
272	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	x	x	x	x	
273	1001031250	Nguyễn Thị	Lan	20/07/2004	QT11B	x	x	x	x	
274	1101021205	Phạm Thị Ngọc	Lan	04/05/2005	KD11G	x	x	x	x	
275	0901020011	Phạm Thị Phương	Lan	25/09/2003	KD9B		x	x	x	
276	1101080400	Trần Hoàng	Lan	22/07/2005	TM11A	x	x	x	x	
277	1001020997	Trần Thị Hương	Lan	08/05/2004	KD10E		x	x	x	
278	0901080460	Nguyễn Thị Hoàng	Lê	16/09/2003	TM9A	x	x	x	x	
279	1101020587	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	12/09/2005	KD11A	x	x	x	x	
280	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	x	x	x	x	
281	1101030588	Phan Thị	Liễu	31/12/2004	QT11A	x	x	x	x	
282	1101030589	Bùi Lê Phương	Linh	23/09/2004	QT11B	x	x	x	x	
283	1001020163	Đỗ Thị	Linh	31/03/2004	KD10E		x		x	
284	0901020863	Đỗ Thùy	Linh	08/04/2002	KD9K		x		x	
285	1001021442	Đoàn Khánh	Linh	15/01/2004	KD10C	x	x	x	x	
286	1001020367	Đoàn Khánh	Linh	03/04/2004	KD10G		x		x	
287	1101020146	Lê Nguyễn Thùy	Linh	23/09/2005	KD11C	x	x	x	x	
288	1001030599	Lê Thị	Linh	15/01/2004	QM10A	x	x	x	x	
289	1001020168	Lê Thị Ngọc	Linh	10/11/2004	KD10C	x	x	x	x	
290	1001010809	Lê Thị Thùy	Linh	01/09/2004	NH10A	x	x	x	x	
291	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	x	x	x	x	
292	1001081426	Lương Phương	Linh	07/09/2004	TM10A	x	x	x	x	
293	1101020149	Lương Thị Ngọc	Linh	22/08/2005	KD11B	x	x	x	x	
294	1001020601	Lưu Thùy	Linh	17/09/2004	KD10E		x	x	x	
295	1204020022	Lý Thị Thùy	Linh	24/07/2003	LT12A	x	x	x	x	
296	1001020171	Nguyễn Hà	Linh	08/04/2004	KD10H	x	x	x	x	
297	1001010813	Nguyễn Hà	Linh	24/08/2004	NH10A	x		x	x	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
298	1001030604	Nguyễn Mai	Linh	10/08/2004	QM10A	x	x	x	x	
299	1101081348	Nguyễn Ngọc	Linh	24/06/2004	TM11A	x	x	x	x	
300	0901020099	Nguyễn Phương	Linh	04/10/2003	KD9E	x	x	x	x	
301	1001011363	Nguyễn Thảo	Linh	19/10/2003	TC10A	x	x	x	x	
302	0901030090	Nguyễn Thị Diệp	Linh	10/05/2002	QM9A	x	x	x	x	
303	1101020156	Nguyễn Thị Hải	Linh	28/08/2005	KD11E	x	x	x	x	
304	0810611743	Nguyễn Thị Khánh	Linh	19/08/2002	KA8A	x	x	x	x	
305	1101020986	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/04/2005	KD11A	x	x	x	x	
306	0901020570	Nguyễn Thị Khánh	Linh	28/08/2003	KD9G	x	x	x	x	
307	1101020158	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	26/01/2005	KD11A	x	x	x	x	
308	0810210994	Nguyễn Thị Thùy	Linh	17/07/2002	KD8G	x	x	x	x	
309	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	x	x	x	x	
310	1001020177	Nguyễn Thùy	Linh	25/08/2004	KD10G		x	x	x	
311	1001031258	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2004	QT10B		x		x	
312	1101030603	Nguyễn Thùy	Linh	23/03/2005	QT11A	x	x	x	x	
313	1101021381	Phạm Thùy	Linh	03/10/2005	KD11A	x	x	x	x	
314	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	x	x	x	x	
315	1101020164	Trần Phương	Linh	07/04/2005	KD11C	x	x	x	x	
316	1101030606	Vũ Phương	Linh	31/12/2005	QT11B	x	x	x	x	
317	1001020182	Vũ Thùy	Linh	25/08/2004	KD10B	x		x	x	
318	1101031371	Phạm Thị Hồng	Linh	11/12/2005	QT11A	x	x	x	x	
319	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	x	x	x	x	
320	1101020170	Nguyễn Minh	Loan	25/07/2005	KD11A	x	x	x	x	
321	1101020171	Nguyễn Thị Phương	Loan	03/07/2005	KD11B	x	x	x	x	
322	1101020172	Phạm Thị	Loan	05/02/2005	KD11G	x	x	x	x	
323	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	x	x	x	x	
324	0901020306	Nguyễn Thiện	Lộc	19/04/2003	KD9M	x	x	x	x	
325	1001010815	Trịnh Văn	Lộc	13/10/2004	NH10A				x	
326	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	x	x	x	x	
327	0901010878	Đinh Hoàng	Long	09/10/2003	NH9A	x	x	x	x	
328	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	x	x	x	x	
329	1001071155	Nguyễn Hải	Long	22/06/2004	QL10A	x	x	x	x	
330	1101060351	Quyền Hồng	Lựa	03/11/2005	KA11A	x	x	x	x	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
331	1001021010	Đỗ Ngọc	Hương Ly	25/09/2004	KD10D	x	x	x	x	
332	1101010174	Đỗ Phương	Ly	03/01/2005	TC11A	x	x	x	x	
333	0810210204	Lê Thị Cẩm	Ly	08/06/2002	KD8H	x	x	x	x	
334	1101020175	Nguyễn Cẩm	Ly	01/07/2005	KD11E	x	x	x	x	
335	1001010820	Nguyễn Khánh	Ly	18/06/2004	TC10B	x	x	x	x	
336	1001040013	Nguyễn Thị Khánh	Ly	25/08/2004	CT10A	x	x	x	x	
337	1101011288	Trần Khánh	Ly	15/11/2005	TC11A	x	x	x	x	
338	1101030616	Trần Thị Hương	Ly	26/01/2005	QT11A	x	x	x	x	
339	1101080410	Tạ Thị	Lý	09/04/2005	TM11A	x	x	x	x	
340	1101010180	Chu Thị Hoàng	Mai	01/11/2005	TC11A	x	x	x	x	
341	1001041503	Chữ Thị Quỳnh	Mai	11/11/2004	CT10A	x	x	x	x	
342	1101020182	Đỗ Ngọc	Mai	17/08/2005	KD11E	x	x	x	x	
343	1101020621	Đỗ Thị Tuyết	Mai	26/11/2005	KD11A	x	x	x	x	
344	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10H	x	x	x	x	
345	1001020192	Nguyễn Phan Thị Xu	Mai	21/12/2004	KD10B	x		x	x	
346	1001020194	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	11/08/2004	KD10H	x	x	x	x	
347	1101021349	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/02/2005	KD11B	x	x	x	x	
348	1204020010	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	06/07/1991	LT12A	x	x	x	x	
349	0901010036	Phùng Phương	Mai	28/06/2003	TC9A	x	x	x	x	
350	1101081108	Trần Thị Thanh	Mai	07/07/2005	TM11A	x	x	x	x	
351	1101061079	Đỗ Tuấn	Mạnh	01/05/2005	KA11A	x	x	x	x	
352	1001030626	Nguyễn Văn	Mạnh	04/04/2004	QT10A	x	x	x	x	
353	0901030595	Trần Cao	Mạnh	14/09/2003	QT9B		x		x	
354	0901030428	Âu Duy	Minh	18/06/2003	NH9A	x	x	x	x	
355	1001011453	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	TC10A	x	x	x	x	
356	1101031215	Đinh Thế	Minh	04/12/2005	QT11A	x	x	x	x	
357	1001021411	Đỗ Thị Ngọc	Minh	10/08/2004	KD10C	x	x	x	x	
358	1001020199	Nguyễn Chiêu	Minh	08/07/2004	KD10D	x	x	x	x	
359	1001020200	Nguyễn Đức	Minh	28/02/2004	KD10E		x	x	x	
360	0901010056	Nguyễn Quang	Minh	16/01/2003	TC9A	x	x	x	x	
361	0810120528	Nguyễn Thái	Minh	09/05/2000	NH8A	x	x	x	x	
362	1001081117	Nguyễn Văn	Minh	03/07/2004	TM10A	x	x	x	x	
363	1101030627	Phạm Hồng	Minh	04/12/2005	QT11A	x	x	x	x	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
364	1101010861	Vũ Đức	Minh	03/11/2005	NH11A	x	x	x	x	
365	1001020201	Vũ Quang	Minh	21/01/2004	KD10H				x	
366	1101020190	Vũ Thị Nguyệt	Minh	11/10/2005	KD11D	x	x	x	x	
367	1101030629	Lường Thị	Mùng	18/01/2004	QT11B	x	x	x	x	
368	0610210240	Lưu Văn	Muôn	15-09-2000	KD6C	x	x	x	x	
369	1001010829	Nguyễn Trà	My	04/11/2004	NH10A	x	x	x	x	
370	1001010831	Đặng Xuân	Nam	23/11/2004	TC10B	x	x	x	x	
371	1001040918	Đào Duy	Nam	15/03/2004	CT10A	x	x	x	x	
372	1001020207	Nguyễn Thị Ngọc	Nam	08/04/2004	KD10C	x	x	x	x	
373	1001020208	Trần Thành	Nam	14/01/2004	KD10H		x		x	
374	1101021132	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/01/2005	KD11E	x	x	x	x	
375	1101030638	Nguyễn Thúy	Nga	14/07/2005	QT11A	x	x	x	x	
376	1101020197	Phạm Thị	Nga	01/02/2003	KD11G	x	x	x	x	
377	1103020012	Trần Thúy	Nga	03/07/1971	LT11A	x	x	x	x	
378	1001030636	Đào Thị	Ngân	26/12/2004	QT10A	x	x	x	x	
379	1101020199	Lê Hồng	Ngân	11/07/2005	KD11C	x	x	x	x	
380	1101030642	Nguyễn Kim	Ngân	03/08/2005	QT11B	x	x	x	x	
381	1101011293	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	17/07/2005	TC11A	x	x	x	x	
382	1001020214	Hà Trọng	Nghĩa	24/03/2003	KD10B			x	x	
383	1001010834	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	15/09/2004	TC10A	x	x	x	x	
384	1101031732	Nguyễn Thanh	Ngoan	01/04/2005	QT11A	x	x	x	x	
385	1001031276	Cao Hồng	Ngọc	19/06/2004	QT10B		x	x		
386	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	x	x	x	x	
387	1001020216	Lê Thị Bích	Ngọc	15/03/2004	KD10D	x	x	x	x	
388	1101061080	Ngô Bảo	Ngọc	04/11/2005	KA11A	x	x	x	x	
389	1101020206	Nguyễn Bích	Ngọc	03/10/2005	KD11A	x	x	x	x	
390	1101061081	Nguyễn Bùi Bảo	Ngọc	22/12/2005	KA11A	x	x	x	x	
391	1001030642	Nguyễn Hoài	Ngọc	09/11/2004	QM10B	x	x	x	x	
392	1101020207	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/11/2005	KD11G	x	x	x	x	
393	1001020220	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	20/11/2004	KD10A	x		x	x	
394	1204020023	Phạm Thị	Ngọc	19/07/1993	LT12A	x	x	x	x	
395	1001030646	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/12/2004	QT10A	x	x	x	x	
396	1001020222	Trịnh Minh	Ngọc	30/06/2004	KD10B	x	x	x	x	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
397	1101030651	Giáp Thị Thảo	Nguyên	16/07/2005	QT11B	x	x	x	x	
398	1101020209	Nguyễn Đình	Nguyên	08/09/2005	KD11D	x	x	x	x	
399	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyên	09/02/2005	KD11E	x	x	x	x	
400	1001030648	Nguyễn Trung	Nguyên	10/09/2003	QM10A	x	x	x	x	
401	1101030872	Lê Thu Ánh	Nguyệt	19/08/2005	QT11B	x	x	x	x	
402	1001031459	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	21/11/2004	QT10B		x		x	
403	1001030649	Nguyễn Thị	Nhâm	10/02/2004	QT10B				x	
404	0810121052	Đàm Vi	Nhật	01/10/2001	NH8A	x	x	x	x	
405	1001020227	Đào Yến	Nhi	18/11/2004	KD10C	x	x	x	x	
406	1205020011	Lê Thị Hoàng	Nhi	16/01/2000	LT12A	x	x	x	x	
407	0810211764	Lê Thị Yến	Nhi	30/08/2001	KD9E	x	x	x	x	
408	1101031219	Đỗ Thị Quỳnh	Như	17/02/2005	QT11B	x	x	x	x	
409	1101020224	Nguyễn Thị	Như Ý	14/07/2005	KD11D	x	x	x	x	
410	1001021121	Hoàng Hồng	Nhung	01/12/2004	KD10D	x	x	x	x	
411	1001020239	Lê Hồng	Nhung	04/02/2004	KD10B	x	x	x	x	
412	1001020240	Nguyễn Hồng	Nhung	31/12/2004	KD10C	x	x	x	x	
413	1001020242	Trịnh Thị Hồng	Nhung	20/05/2004	KD10G		x	x	x	
414	1101010880	Vương Thị Hồng	Nhung	01/06/2005	NH11A	x	x	x	x	
415	0901030235	Chu Thị Châm	Oanh	26/10/2003	QT9A	x	x	x	x	
416	1101020229	Nguyễn Thị	Oanh	16/10/2005	KD11G	x	x	x	x	
417	1001020244	Trần Thục	Oanh	30/03/2004	KD10A		x	x	x	
418	1001020245	Vũ Hương	Oanh	20/08/2004	KD10B	x	x	x	x	
419	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	NH10A	x	x	x	x	
420	1101030665	Nguyễn Đình	Phi	08/09/2005	QT11A	x	x	x	x	
421	1101030666	Nguyễn Xuân	Phong	18/04/2005	QT11B	x	x	x	x	
422	1001010844	Trần Hoàng	Phong	09/05/2004	TC10A	x	x	x	x	
423	0901030033	Nguyễn Hồng	Phúc	16/09/2003	KD9N	x	x	x	x	
424	1204020012	Nguyễn Văn	Phúc	11/07/1990	LT12A	x	x	x	x	
425	1101020232	Bùi Thu	Phương	12/06/2005	KD11B	x	x	x	x	
426	1101031222	Bùi Thu	Phương	23/09/2005	QT11A	x	x	x	x	
427	1001020249	Lê Thị Thu	Phương	12/08/2004	KD10H	x	x	x	x	
428	1001030666	Lý Thu	Phương	10/09/2004	QT10B	x	x	x	x	
429	1001020846	Nguyễn Quỳnh	Phương	11/07/2004	KD10C	x	x	x	x	
430	1001010848	Trần Mai	Phương	29/12/2004	TC10B	x	x	x	x	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
431	1101021024	Trịnh Thu	Phương	08/11/2005	KD11C	x	x	x	x	
432	1001020254	Trương Thu	Phương	25/10/2004	KD10H	x	x	x	x	
433	1101021025	Vương Thị	Phương	30/06/2005	KD11G	x	x	x	x	
434	0901030205	Đào Hồng	Quân	30/10/2003	QT9B	x	x	x		
435	1101030681	Vũ Nguyễn Đình	Quang	15/04/2005	QT11A	x	x	x	x	
436	1001021049	Lưu Thị Hồng	Quyên	18/12/2004	KD10C	x	x	x	x	
437	1001020261	Trương Thị	Quyên	16/02/2004	KD10G	x	x	x	x	
438	1101020247	Đào Diễm	Quỳnh	26/12/2005	KD11D	x	x	x	x	
439	1001021050	Lại Thị Như	Quỳnh	25/01/2004	KD10C	x	x	x	x	
440	1101080417	Nguyễn Lê Nhật	Quỳnh	13/12/2005	TM11A	x	x	x	x	
441	1101020252	Nguyễn Thị	Quỳnh	29/04/2005	KD11C	x	x	x	x	
442	1001021051	Phạm Như	Quỳnh	02/10/2004	KD10B	x	x	x	x	
443	1001031395	Trần Thị	Quỳnh	17/02/2004	QM10A	x		x	x	
444	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	x	x	x	x	
445	1001030680	Nguyễn Quang	Sang	05/04/2004	QM10A			x	x	
446	1001021418	Nguyễn Hồng	Sơn	15/11/2004	KD10E	x	x	x	x	
447	0901010227	Nguyễn Hồng	Sơn	01/09/2003	NH9A	x	x	x	x	
448	1001030681	Nguyễn Hữu	Sơn	08/12/2004	QT10B	x	x	x	x	
449	1001010855	Vũ Ngọc	Sơn	24/07/2004	TC10B	x	x	x	x	
450	1001021053	Lê Anh	Tài	28/09/2004	KD10H	x		x	x	
451	1001010905	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	TC10A	x	x	x	x	
452	1101031366	Lưu Danh	Thái	14/02/2005	QT11A	x	x	x	x	
453	0810120215	Nguyễn Thị	Thản	31/03/2002	NH8A			x	x	
454	1001030689	Nguyễn Hữu	Thắng	04/07/2004	QT10B	x	x	x	x	
455	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	NH10A	x	x	x	x	
456	1101021032	Đào Thị	Thanh	22/08/2005	KD11D	x	x	x	x	
457	1001031303	Đỗ Phương	Thanh	31/07/2004	QT10A	x	x	x	x	
458	0901030141	Hà Hoài	Thanh	29/11/2002	QM9A	x	x	x	x	
459	1001031304	Lê Phương	Thanh	29/04/2004	QM10A	x	x	x	x	
460	1101020260	Trương Kiều	Thanh	26/03/2005	KD11E	x	x	x	x	
461	1001010862	Nguyễn Tiến	Thành	26/05/2004	TC10A	x	x	x	x	
462	1101080419	Vũ Tiến	Thành	27/01/2005	TM11A	x	x	x	x	
463	1101060358	Chu Thanh	Thảo	24/01/2005	KA11A	x	x	x	x	
464	1001020272	Đào Thanh	Thảo	29/01/2004	KD10G	x	x	x	x	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
465	0901030719	Đinh Thị Ngọc	Thảo	30/09/2003	QM9A	x	x	x	x	
466	1001020273	Đinh Thị Thanh	Thảo	19/08/2004	KD10B	x	x		x	
467	1204020014	Đinh Thu	Thảo	23/03/1991	LT12A	x	x	x	x	
468	1001020274	Đỗ Thị Thu	Thảo	14/11/2004	KD10H	x	x	x	x	
469	1001081437	Hồ Lê Phương	Thảo	23/10/2004	TM10A	x	x	x	x	
470	1001010864	Hoàng Thị	Thảo	15/04/2003	TC10A	x		x	x	
471	1101021034	Hoàng Thị Thu	Thảo	04/11/2005	KD11C	x	x	x	x	
472	1001031397	Mai Phương	Thảo	07/10/2004	QM10A	x	x	x	x	
473	0810211729	Ngô Thanh	Thảo	18/03/2002	KD8A	x	x	x	x	
474	1101030701	Ngô Thanh	Thảo	07/12/2005	QT11B	x	x	x	x	
475	1001021057	Nguyễn Phương	Thảo	16/10/2004	KD10A	x		x	x	
476	1001020281	Nguyễn Phương	Thảo	14/09/2004	KD10H	x		x	x	
477	1001031759	Nguyễn Phương	Thảo	27/10/2004	QT10A	x	x	x	x	
478	0901010269	Nguyễn Phương	Thảo	01/05/2003	TC9B	x	x	x	x	
479	1101060359	Nguyễn Thị	Thảo	13/08/2005	KA11A	x	x	x	x	
480	1101031229	Nguyễn Thị	Thảo	05/05/2005	QT11A	x	x	x	x	
481	1001080420	Nguyễn Thị	Thảo	06/11/2004	TM10A	x	x	x	x	
482	1001021060	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/07/2004	KD10H		x	x	x	
483	1001031666	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/05/2004	QM10A	x	x	x	x	
484	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	x	x	x	x	
485	1001020284	Nhac Thị Thanh	Thảo	15/02/2004	KD10A	x	x	x	x	
486	1001021061	Phạm Phương	Thảo	26/08/2004	KD10C	x	x	x	x	
487	0710112006	Phạm Thị Bích	Thảo	02/10/2000	TC7A	x	x	x	x	
488	1101030704	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	QM11A	x	x	x	x	
489	1001021063	Trịnh Thu	Thảo	12/11/2002	KD10E	x	x	x	x	
490	1205020016	Vũ Phương	Thảo	04/02/2002	LT12A	x	x	x	x	
491	1001031394	Vũ Thị	The	12/03/2004	QT10A	x	x	x	x	
492	0810310875	Vũ Thành	Thép	20/10/2002	QT8B	x	x	x	x	
493	1001020288	Cao Thị	Thi	20/02/2004	KD10G	x	x	x	x	
494	1101040378	Ngô Mai	Thi	07/07/2005	CT11A	x	x	x	x	
495	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	x	x	x	x	
496	1101010899	Nguyễn Thị Anh	Thơ	01/08/2005	TC11A	x	x	x	x	
497	1001021446	Nguyễn Thị	Thoa	28/08/1999	KD10B		x		x	
498	1001030701	Trương Thị	Thoan	09/09/2003	QM10A	x	x	x	x	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
499	1001021572	Phan Thị	Thơm	29/12/2003	KD10E		x	x	x	
500	0901030120	Mai Trung	Thông	06/04/2003	QT9D	x	x	x	x	
501	1001061430	Nguyễn Thị Hoài	Thu	29/11/2004	KA10A	x	x	x	x	
502	1101030420	Vũ Minh	Thu	02/11/2005	QT11A	x	x	x	x	
503	1101070454	Vũ Thị Minh	Thu	10/10/2005	KL11A	x	x	x	x	
504	1001011455	Hoàng Hà Anh	Thư	26/02/2004	TC10B	x	x	x	x	
505	1001060372	Ngô Hồng	Thư	20/01/2004	KA10A	x	x	x	x	
506	1001010871	Đỗ Thu	Thuận	26/12/2002	TC10A	x	x	x	x	
507	1203020017	Lưu Thị	Thuận	26/05/1992	LT12A	x	x	x	x	
508	1001030704	Trịnh Văn	Thuận	25/10/2004	QT10A	x	x	x	x	
509	1101020281	Nguyễn Hoài	Thương	28/07/2005	KD11D	x	x	x	x	
510	1001030705	Nguyễn Thị	Thương	16/07/2004	QM10A	x		x	x	
511	1001021066	Nguyễn Thị Hoài	Thương	18/11/2004	KD10C		x	x	x	
512	1001071166	Đỗ Thị	Thuyền	10/05/2003	QL10A	x	x		x	
513	1001010873	Nguyễn Thu	Thuyền	15/12/2004	TC10A	x	x		x	
514	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	KD11A	x	x	x	x	
515	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	x	x	x	x	
516	1101030710	Nguyễn Hương	Thúy	27/05/2005	QM11A	x	x	x	x	
517	1001031452	Bùi Thị	Thùy	12/12/2004	QT10A		x	x	x	
518	1101060361	Bùi Thị Phương	Thùy	15/10/2005	KA11A	x	x	x	x	
519	1001021068	Đỗ Thị Minh	Thùy	16/10/2004	KD10G	x	x	x	x	
520	1101061043	Hoàng Thị Phương	Thùy	08/05/2005	KA11A	x	x	x	x	
521	0810210220	Nguyễn Linh	Thùy	29/06/2002	KD8B	x	x	x	x	
522	1101020286	Trần Phương	Thùy	20/01/2005	KD11C	x	x	x	x	
523	1101081435	Vũ Thị Thanh	Thùy	12/10/2005	TM11A	x	x	x	x	
524	1001030708	Chu Thủy	Tiên	13/01/2001	QT10B	x	x	x	x	
525	1001030709	Nguyễn Thủy	Tiên	22/12/2004	QM10B	x	x	x	x	
526	1001010876	Vũ Huy	Tiến	08/06/2004	NH10A	x	x	x	x	
527	1001030711	Lê Công	Toàn	26/08/2004	QT10A	x	x	x	x	
528	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	x	x	x	x	
529	0901020196	Nguyễn Thanh	Toàn	18/10/2003	KD9G	x	x	x	x	
530	1001020307	Bùi Thị Huyền	Trang	19/06/2004	KD10E	x	x	x	x	
531	1001020308	Chu Thị Huyền	Trang	27/10/2004	KD10G	x	x	x	x	
532	1101021050	Đào Huyền	Trang	03/06/2005	KD11A	x	x	x	x	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
533	1001021447	Đỗ Lê Minh	Trang	25/05/2004	KD10H	x	x	x	x	
534	0901030679	Dương Thị	Trang	08/08/2003	QM9B	x	x	x	x	
535	1101030721	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	18/06/2005	QT11B	x	x	x	x	
536	1101020296	Lê Hà	Trang	24/11/2005	KD11D	x	x	x	x	
537	0901020361	Lê Quỳnh	Trang	08/11/2003	KD9N	x	x	x	x	
538	1001031676	Lê Thị Hà	Trang	10/07/2004	QM10A	x	x	x	x	
539	1101060363	Lê Thu	Trang	14/11/2005	KA11A	x	x	x	x	
540	1101010903	Lương Quỳnh	Trang	09/11/2005	TC11A	x	x	x	x	
541	1001010883	Lý Thùy	Trang	30/12/2004	NH10A	x	x	x	x	
542	1101020300	Nguyễn Quỳnh	Trang	10/03/2005	KD11B	x	x	x	x	
543	1001020314	Nguyễn Thị	Trang	08/08/2004	KD10A	x	x	x	x	
544	1101021054	Nguyễn Thị	Trang	15/08/2005	KD11E	x	x	x	x	
545	1001020315	Nguyễn Thị Kiều	Trang	24/07/2004	KD10B	x	x		x	
546	1204020024	Nguyễn Thị Kiều	Trang	07/04/1989	LT12A	x	x	x	x	
547	1001030720	Nguyễn Thị Kiều	Trang	28/03/2004	QT10A	x	x	x	x	
548	1101011314	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	20/01/2005	TC11A	x	x	x	x	
549	1001020316	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/08/2004	KD10B	x	x		x	
550	1001021318	Nguyễn Thị Thu	Trang	01/11/2004	KD10C	x	x	x	x	
551	1001020317	Nguyễn Thị Thùy	Trang	05/09/2004	KD10D		x		x	
552	0901011003	Nguyễn Thu	Trang	30/09/2002	NH9A	x	x	x	x	
553	1001020451	Nguyễn Thùy	Trang	29/02/2004	KD10G		x	x	x	
554	1101021057	Nguyễn Thùy	Trang	28/10/2005	KD11G	x	x	x	x	
555	1101040380	Phạm Thị Đoan	Trang	03/02/2005	CT11A	x	x	x	x	
556	0901030376	Phạm Thị Đoan	Trang	30/07/2003	QT9A	x	x	x	x	
557	1101010904	Phan Thị Huyền	Trang	10/10/2005	TC11A	x	x	x	x	
558	1101020310	Trần Thị Huyền	Trang	30/08/2005	KD11C	x	x	x	x	
559	1001020322	Vũ Thu	Trang	12/06/2004	KD10E		x	x	x	
560	0810310878	Nguyễn Văn	Triều	30/09/2002	QT8A	x	x	x	x	
561	1001031322	Hà Thị Thanh	Trúc	13/01/2004	QM10A	x	x	x	x	
562	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	x	x	x	x	
563	1205020018	Khổng Văn	Trung	01/12/1988	LT12A	x	x	x	x	
564	1101080424	Nguyễn Đức	Trung	02/10/2005	TM11A	x	x	x	x	
565	1101030731	Phạm Xuân	Trung	26/08/2005	QT11A	x	x	x	x	
566	1001030725	Chu Quyết	Trường	16/06/2004	QM10A	x	x	x	x	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
567	1101021335	Lê Minh	Tú	22/10/2004	KD11E	x	x	x	x	
568	1101060907	Lê Quang	Tú	09/04/2005	KA11A	x	x	x	x	
569	0901020051	Nguyễn Văn	Tú	02/12/2003	KD9G	x	x	x	x	
570	1001030729	Chữ Quốc	Tuấn	30/03/2004	QT10B	x	x	x	x	
571	0810110986	Đào Minh	Tuấn	14/07/2002	TC8A	x	x	x	x	
572	0901010301	Ngô Anh	Tuấn	05/04/2003	QT9B	x	x	x	x	
573	1001030731	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	15/11/2004	QM10A	x	x	x	x	
574	1001021582	Trần Ngọc	Tuấn	08/03/2004	KD10G			x	x	
575	0810210947	Đinh Xuân	Tùng	06/02/1995	KD8A			x	x	
576	1001080734	Nguyễn Lê Hoàng	Tùng	09/06/2004	TM10A			x	x	
577	0810210171	Nguyễn Ánh	Tuyết	14/11/2001	KD8C				x	
578	1101031252	Nguyễn Thị Hà	Uyên	08/11/2005	QT11A	x	x	x	x	
579	1101030739	Nguyễn Thị Hải	Uyên	12/05/2005	QT11B	x	x	x	x	
580	1001031400	Nguyễn Thị Kim	Uyên	03/04/2004	QM10A	x	x	x	x	
581	1101020322	Nguyễn Thái	Vân	07/12/2005	KD11A	x	x	x	x	
582	1001080422	Nguyễn Thanh	Vân	12/11/2004	TM10A	x	x	x	x	
583	1101030743	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/08/2005	QT11A	x	x	x	x	
584	1101021066	Phạm Ngọc	Vi	04/10/2004	KD11B	x	x	x	x	
585	1001010890	Lăng Quốc	Việt	29/10/2004	TC10A	x	x	x	x	
586	0901010818	Lưu Quốc	Việt	03/01/2003	NH9A	x	x	x	x	
587	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	x	x	x	x	
588	1001010891	Hoàng Anh	Vũ	26/08/2004	TC10B				x	
589	0901030046	Nguyễn Xuân Hải	Vương	22/08/2003	QT9B		x		x	
590	1101020326	Nguyễn Hà	Vy	18/04/2005	KD11C	x	x	x	x	
591	1001060379	Đỗ Thúy	Xoan	22/10/2004	KA10A	x			x	
592	1001031392	Đàm Thị Kiều	Xuân	26/09/2004	QM10A	x	x	x	x	
593	1001010894	Nguyễn Thị	Xuân	09/05/2004	TC10B	x	x	x	x	
594	1101070462	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	08/06/2005	QL11A	x	x	x	x	
595	1101010329	Trần Thị Chiêu	Xuân	07/05/2005	TC11A	x	x	x	x	
596	1001021088	Nguyễn Thị Như	Ý	01/06/2004	KD10G	x			x	
597	0810210819	Nguyễn Thị Như	Ý	14/05/2002	KD8G	x	x	x	x	
598	1101030755	Chữ Thị	Yên	11/06/2005	QT11B	x	x	x	x	
599	1101021410	Đặng Thị	Yên	06/02/2003	KD11D	x	x	x	x	
600	1101021070	Ngô Hải	Yên	04/01/2005	KD11A	x	x	x	x	
601	1101080758	Ngô Thị	Yên	09/09/2005	TM11A	x	x	x	x	

TT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Nghe	Nói	Đọc	Viết	Ghi chú
602	0901010498	Trần Thị Hải	Yến	09/10/2003	TC9A	x	x	x	x	
603	1001020345	Trịnh Thị Hải	Yến	20/07/2004	KD10B	x	x	x	x	